TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST Ngày: 30-6-2023 V/v Ly hôn giữa chị T và anh T	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Minh Châu;
2. Ông Nguyễn Trần Quyết.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Loan, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sóc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Diễm T, sinh năm 1983.
ĐKHKTT: ấp Bình H, xã Bình T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.
Trú tại: khóm 4, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1978.
Địa chỉ: ấp Bình H, xã Bình T, thành phố H,, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Diễm T trình bày: Vào năm 1999, chị và anh Bùi Văn T được sự thống nhất của cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới, vợ chồng chung sống với nhau không có đăng ký kết. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Chị và anh T không còn chung sống với nhau và ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn T. Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Thị Kim N, sinh ngày 17/3/2000 và Bùi Thị Bích T, sinh ngày 24/11/2005. Hiện Bùi Thị Kim N đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Thị Bích T, sinh ngày 24/11/2005, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận,

không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Theo bản tự khai ngày 13/6/2023 của bị đơn anh Bùi Văn T trình bày:* Anh với chị Trần Thị Diễm T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1999 và không có đăng ký kết. Quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cự cãi và vợ anh thường xuyên bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Vợ chồng không còn chung sống với nhau và ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh thì anh tự nguyện thống nhất ly hôn với chị Trần Thị Diễm T. Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Thị Kim N, sinh ngày 17/3/2000 và Bùi Thị Bích T, sinh ngày 24/11/2005. Hiện Bùi Thị Kim N đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Bùi Thị Bích T, sinh ngày 24/11/2005 thì đang sống với chị T. Anh tự nguyện thống nhất giao cháu Bùi Thị Bích T, sinh ngày 24/11/2005 cho chị Trần Thị Diễm T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Thị Bích T, sinh ngày 24/11/2005, anh T không cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ kiện Ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] - Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Trần Thị Diễm T và bị đơn anh Bùi Văn T cùng có đơn xin vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt chị T và anh T nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T là phù hợp với quy định Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*: Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị Diễm T với anh Bùi Văn T. Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Hôn nhân giữa chị Trần Thị Diễm T với anh Bùi Văn T là hôn nhân không hợp pháp vì anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định như sau:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiên theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

2. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn."

Mặc dù, trong quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Văn T tự nguyện thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị Trần Thị Diễm T nhưng do chị Trần Thị Diễm T với anh Bùi Văn T không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Diễm T với anh Bùi Văn T là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị Trần Thị Diễm T, chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy:

[6] Chị T và anh T có 02 con chung tên Bùi Thị Kim N, sinh ngày 17/3/2000 và Bùi Thị Bích T, sinh ngày 24/11/2005. Hiện Bùi Thị Kim N đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Bùi Thị Bích T, sinh ngày 24/11/2005 thì đang sống với chị T. Anh tự nguyện thống nhất giao cháu Bùi Thị Bích T, sinh ngày 24/11/2005 cho chị Trần Thị Diễm T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Thị Bích T, sinh ngày 24/11/2005, anh T không cấp dưỡng cho con. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này của các đương sự là hoàn toàn phù hợp pháp luật. Chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cháu Bùi Thị Bích T, sinh ngày 24/11/2005. Anh Bùi Văn T không phải cấp dưỡng cho con do chị T không yêu cầu. Chị Trần Thị Diễm T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Bùi Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[7] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự là có căn cứ nên chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Diễm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Diễm T với anh Bùi Văn T.

2/ Về con chung: Chị Trần Thị Diễm T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cháu Bùi Thị Bích T, sinh ngày 24/11/2005. Anh Bùi Văn T không phải cấp dưỡng cho con do chị T không yêu cầu.

Chị Trần Thị Diễm T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Bùi Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Diễm T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001038 ngày 12/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự. Không ai phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi bổ sung năm 2014)".

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND TXHN;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Thảo